

Số: 267 /2024/QĐST-HNGĐ

S, ngày 07 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 256/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

Ông **Võ T**, sinh ngày: 20/3/1974 – Địa chỉ: **Tổ H, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.**

Bà **Huỳnh Thị Thanh T1**, sinh ngày: 14/12/1977 – Địa chỉ: **Tổ H, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông **Võ T** và bà **Huỳnh Thị Thanh T1** kết hôn từ năm 2000 có đăng ký kết hôn tại **UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng** theo giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 21/4/2000. Sau khi kết hôn hai bên về sống chung tại **tổ H, phường A, quận S, Tp Đà Nẵng**. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải, ông **Võ T** và bà **Huỳnh Thị Thanh T1** xác định: Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan

điểm sống, thiếu sự tin tưởng nhau về mặt kinh tế, không thống nhất trong việc kinh doanh gây nên tình trạng thất thoát về kinh tế, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mặc dù ở cùng nhà nhưng sống ly thân nhau từ năm 2023 đến nay. Nay ông bà xác định không còn yêu thương nhau nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông **Võ T** và bà **Huỳnh Thị Thanh T1** thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, chung thủy quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng bà **T1**, ông **T** lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông bà đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà **T1**, ông **T** là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: ông **Võ T** và bà **Huỳnh Thị Thanh T1** xác định có 01 con chung là **Võ Hoàng Bảo Á** – sinh ngày 31/8/2000. Cháu **Võ Hoàng Bảo Á** đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên ông bà không có yêu cầu gì.

[5] Về tài sản chung: bà **T1**, ông **T** tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Các vấn đề khác: bà **T1**, ông **T** xác nhận không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông **T** và bà **T1** mỗi người chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002980 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Huỳnh Thị Thanh T1** và ông **Võ T** (*Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 21/4/2000 do UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp không còn giá trị pháp lý*).

- Về quan hệ con chung: ông **Võ T** và bà **Huỳnh Thị Thanh T1** xác định 01 con chung là **Võ Hoàng Bảo Á** – sinh ngày 31/8/2000. Cháu **Võ Hoàng Bảo Á** đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên ông bà không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: bà **T1**, ông **T** tự thỏa thuận nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Các vấn đề khác: bà **T1**, ông **T** xác nhận không có nợ chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông **T** và bà **T1** mỗi người chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002980 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà, ĐN;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà, ĐN;
- UBND phường A, quận S, ĐN;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hạnh